

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT THEO KHUNG NĂNG LỰC
TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI
KỲ THI NGÀY 20/7/2025**

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Quốc tịch	Phòng thi
1	207001	BOUALAPHA BOUNSOUVANH	Nữ	23/09/2002	Lào	1 (B101)
2	207002	CHANTHAMAT KHANTHALA	Nữ	02/04/1988	Lào	1 (B101)
3	207003	INYALONG MICKKEE	Nữ	21/08/2007	Lào	1 (B101)
4	207004	SAYYASENG PAVINA	Nữ	20/05/2003	Lào	1 (B101)
5	207005	LORVANXAY ATHIT	Nam	15/12/2006	Lào	1 (B101)
6	207006	KEOMAHAVONG BOUNHOM	Nữ	06/02/1991	Lào	1 (B101)
7	207007	CHANDY BOUNLAY	Nam	06/07/1993	Lào	1 (B101)
8	207008	SIDENG CHANCHILA	Nữ	19/07/2006	Lào	1 (B101)
9	207009	VANNAVONE CHINTANAPHONE	Nữ	12/03/2007	Lào	1 (B101)
10	207010	SOUKPHAKDY DALIVANH	Nữ	10/10/2006	Lào	1 (B101)
11	207011	PHICHITH FARSAI	Nữ	26/10/2006	Lào	1 (B101)
12	207012	KANG FEELMO	Nam	31/10/2003	Hàn Quốc	1 (B101)
13	207013	KHOTYOTHA KHONEKHAM	Nữ	14/12/2006	Lào	1 (B101)
14	207014	SAYCHONGHIENG LONSER	Nam	24/01/2004	Lào	1 (B101)
15	207015	KHOUNLAIVIENG MONGSAYTHID	Nam	20/06/2004	Lào	1 (B101)
16	207016	MEUANGKHOT OLATHAI	Nữ	14/01/2007	Lào	1 (B101)
17	207017	SOMSAVANH PATTHANA	Nữ	01/02/2007	Lào	1 (B101)

STT	Số báo danh	Họ	và tên	Giới tính	Ngày sinh	Quốc tịch	Phòng thi
18	207018	SISOUVANH	PEARNMANY	Nữ	04/10/2004	Lào	1 (B101)
19	207019	MANH ANONG	PHANOMKHAM	Nữ	21/11/2006	Lào	1 (B101)
20	207020	XAIYAVONG	PHENGMA	Nam	04/02/2004	Lào	1 (B101)
21	207021	VONGMACHIENG	PHETPHAVAN	Nam	03/12/2006	Lào	1 (B101)
22	207022	SIXANONH	PHONEPHANA	Nữ	01/09/2006	Lào	1 (B101)
23	207023	HWANG	SANG YEON	Nam	28/08/2006	Hàn Quốc	2 (B102)
24	207024	PENGPHACHANH	SAYSAMLAN	Nam	02/11/2007	Lào	2 (B102)
25	207025	KEOSALY	SIAMONE	Nữ	22/05/1985	Lào	2 (B102)
26	207026	INTHAVONG	SOMBUT	Nam	07/01/1989	Lào	2 (B102)
27	207027	XAISANA	SOMMAY	Nam	11/01/1988	Lào	2 (B102)
28	207028	SAIYASIT	SOUKAMPHONE	Nữ	21/09/2007	Lào	2 (B102)
29	207029	PHANTHONGCHAN	SOUKBANDIT	Nam	14/07/1987	Lào	2 (B102)
30	207030	PHATHEPSAVATH	SOUKSAVANH	Nam	14/08/2006	Lào	2 (B102)
31	207031	KEOBOUPHA	SOULIYA	Nam	24/10/1994	Lào	2 (B102)
32	207032	VILAVONG	THIDAHUK	Nữ	18/10/2007	Lào	2 (B102)
33	207033	CHANTHALANGSY	VANGKEO	Nam	02/03/1988	Lào	2 (B102)
34	207034	NONTHASONE	VONECHAY	Nam	08/02/1988	Lào	2 (B102)
35	207035	SETTHILATH	XANAPHA	Nữ	19/10/2004	Lào	2 (B102)
36	207036	SETTHILATH	XOKNAPHA	Nữ	06/11/2007	Lào	2 (B102)
37	207037	LI	XUEMEI	Nữ	20/12/2004	Trung Quốc	2 (B102)
38	207038	XAYYALATH	ANOUSONE	Nam	29/05/2006	Lào	2 (B102)
39	207039	SENG ALOUN	SANTIKONE	Nam	03/10/2006	Lào	2 (B102)
40	207040	LATSAMY	SAVANXAY	Nam	16/06/2007	Lào	2 (B102)
41	207041	XAYYAVONG	SOUKMIXAY	Nam	13/10/2006	Lào	2 (B102)

STT	Số báo danh	Họ	và tên	Giới tính	Ngày sinh	Quốc tịch	Phòng thi
42	207042	PHANSANA	SOUKPHAPHONE	Nữ	01/12/2007	Lào	2 (B102)
43	207043	VONGNADY	THEPTHIDA	Nữ	06/10/2006	Lào	2 (B102)
44	207044	SINGSAVANG	THINNAKONE	Nam	15/06/2006	Lào	2 (B102)
45	207045	HOMTHONGTHIP	XAIXANA	Nam	07/05/2006	Lào	2 (B102)

Danh sách trên có 45 thí sinh./.